TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN** Số: 13/2022/HNGĐ-ST Ngày: 28/3/2022 **(*V/v không công nhận vợ chồng*)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dực.

*Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Dương Thị Thu Hồng

2/ Bà: Nguyễn Thị Nga

*Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhớ - Thư ký tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát huyện Ân Thi tham gia phiên tòa:

Ông: Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/02/2022 về việc "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐST- HNGĐ ngày 11/3/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Đặng Xuân L, sinh năm 1963 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

***Bị đơn**: Bà Ngô Thị Th, sinh năm 1970 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Đều trú tại: Đỗ Hạ- Quang Vinh - Ân Thi - Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung trình bày của ông Đặng Xuân L: Ông và bà Th tìm hiểu nhau một thời gian ngắn, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi lấy nhau, bà Th về ngay gia đình ông chung sống, được một thời gian vợ chồng ra Hải Dương làm và thuê nhà ở đó. Năm 2017, vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân là do ông, bà thay đổi cách sống, cách nghĩ, tài chính không rõ ràng nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do mâu thuẫn ông ở Hải Dương, còn bà Th về quê sinh sống cùng với vợ

chồng con trai và vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn đề nghị không công nhận ông và bà Th là vợ chồng.

+Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là: Cháu Đặng Xuân Hảo, sinh năm 1993. Cháu Hảo đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông không đề nghị Tòa giải quyết

+ Tài sản chung, công sức, công nợ: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung trình bày của bà Ngô Thị Th: Bà và ông L quen biết nhau qua người giới thiệu, rồi tự tìm hiểu nhau được vài tháng thì tiến đến với nhau, ông, bà thống nhất về báo cáo hai gia đình. Hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho ông, bà theo phong tục tập quán vào năm 1992. Sau đó bà chuyển khẩu về gia đình ông L, sinh con làm giấy khai sinh, được chia ruộng tại quang Vinh. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, ông L làm ở Hải Dương, năm 2017, cưới cháu Hảo thì ông L làm ở Hải Dương, còn bà về quê sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó. Nay ông L yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa ông L và bà, bà nhất trí.

+ Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là: Cháu Đặng Xuân Hảo, sinh năm 1993. Cháu Hảo đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông không đề nghị Tòa giải quyết

+ Tài sản chung, công sức, công nợ: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tiến hành xác minh tại UBND xã Quang Vinh - Ân Thi về tình trạng hôn nhân của ông L, bà Th, được địa phương cung cấp: Ông L, bà Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ĐH, QV, chung sống với nhau từ năm 1992, qua kiểm tra sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1992, 1993 và đến nay không có tên Đặng Xuân L, Ngô Thị Th đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Vinh và UBND xã không giới thiệu cho ông L đi đăng ký kết hôn ở nơi nào khác.

- Về con chung: Ông L, bà Th có 01 con chung là: Cháu Đặng Xuân Hảo, sinh năm 1993.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Địa phương không nắm được.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 của TTLT số 01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; tinh thần điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ vợ chồng: Xử không công nhận vợ chồng giữa ông Đặng Xuân L và bà Ngô Thị Th.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đặng Xuân Hảo, sinh năm 1993. Hiện đã thành niên và tự lo được cuộc sống riêng, nên không xem xét giải quyết

- Tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Không đặt ra giải quyết.

- Án phí: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở lời khai của các đương sự và các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, quan điểm của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận thấy.

*Về quan hệ hôn nhân: Ông L, bà Th có thời gian tìm hiểu sau đó được hai gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2017 thì ông bà sống ly thân nhau.

Mặc dù ông, bà tự nguyện về chung sống với nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương. Tuy nhiên tại thời điểm ông, bà cưới hỏi và về chung sống vợ chồng nhưng ông, bà không tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Vinh - Ân Thi hay nơi cư trú của bà Th. Trong thời gian về chung sống vợ chồng, đến nay ông, bà vẫn không tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, tài chính không rõ ràng. mâu thuẫn giữa ông, bà ngày một căng thẳng và kéo dài cho đến năm 2017 thì ông, bà sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Do cuộc sống chung không thể kéo dài nên ông, bà đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận ông, bà là vợ chồng. Căn cứ khoản 4 điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao- Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp thì hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận. Do vậy, hội đồng xét xử xem xét quyết định không công nhận vợ chồng đối với ông L, bà Th. Các vấn đề về con chung và tài sản chung, công nợ, công sức giải quyết theo thủ tục chung.

*Về con chung: Quá trình chung sống, ông, bà có 01 con chung là Đặng Xuân Hảo, sinh năm 1993. Con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị Tòa giải quyết.

* Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Ông L, bà Th có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy không đặt ra xem xét.

* Án phí: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 14 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp. Khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 và điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về quan hệ vợ chồng: Xử không công nhận vợ chồng giữa ông Đặng Xuân L và bà Ngô Thị Th.

*Về con chung: Quá trình chung sống, ông L, bà Th có 01 con chung là Đặng Xuân Hảo, sinh năm 1993. Con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị Tòa giải quyết.

* Tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

*Án phí: Ông L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số: 0003047 ngày 14/2/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Ông L đã nộp đủ.

*Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-Phòng GĐKT tỉnh.
-VKSND + THADS huyện.
-Người tham gia tố tụng.
-UBND xã Quang Vinh - Ân Thi.
-Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đồng Dực

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Bình Nguyễn Thị Nga

Trần Ngọc Lâm

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ÂN THI
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 45 phút ngày 10 tháng 6 năm 2019.
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi - Hưng Yên.
Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Lâm
*Các hội thẩm nhân dân:
1/Ông: Nguyễn Thanh Bình - Cán bộ hưu xã Đa Lộc.
2/Bà: Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch hội LHPN huyện.
Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2019 về việc "***Không công nhận vợ chồng"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐST- HNGĐ ngày 24/5/2019 giữa các đương sự:
***Nguyên đơn:** Đặng Đình Nhần - sinh năm 1976 (vắng mặt).
***Bị đơn**: Trần Thị Toan - sinh năm 1974 (vắng mặt).
***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
1/Cháu: Đặng Đình Long - sinh năm 1996.
2/ Cháu: Đặng Thị Lan Anh - sinh năm 1999.
3/Cháu: Đặng Quốc Khánh - sinh ngày 24/8/2014.
Người đại diện cho cháu Khánh: chị Toan (mẹ đẻ các cháu)
Đều HKTT: La Mát - Phù Ủng - Ân Thi - Hưng Yên.
Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các qui định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1/ Về điều luật áp dụng:

Áp dụng điều 14, 15, 81, 82, 83 và điều 84 Luật hôn nhân gia đình; ; khoản 4 điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp. Điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 và điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

2/Về quan hệ vợ chồng: Xử không công nhận vợ chồng giữa anh Đặng Đình Nhần và chị Trần Thị Toan.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

3/Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Đặng Quốc Khánh - sinh ngày 24/8/2014 cho chị Toan tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị, anh Nhần có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu với mức 800.000 đồng/tháng. Thời hạn kể từ tháng 7/2019 cho đến khi cháu đến tuổi thành niên, anh Nhần được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung chị Toan không được ngăn cản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

4/ Tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

5/ Án phí: Anh Nhần phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số: 0000247 ngày 12/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Anh Nhần còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

6/Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực iện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 15 phút ngày 10 tháng 6 năm 2019.

Biên bản đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Bình Nguyễn Thị Nga

Trần Ngọc Lâm

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN** Số: 14/TL	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ân Thi ngày 12 tháng 07 năm 2019

TRÍCH LỤC BẢN ÁN LY HÔN

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2019/QĐDS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi về việc ly hôn giữa:

***Nguyên đơn:** Đặng Đình Nhần - sinh năm 1976.

***Bị đơn**: Trần Thị Toan - sinh năm 1974.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/Cháu: Đặng Đình Long - sinh năm 1996.

2/ Cháu: Đặng Thị Lan Anh - sinh năm 1999.

3/Cháu: Đặng Quốc Khánh - sinh ngày 24/8/2014.

Người đại diện cho cháu Khánh: chị Toan (mẹ đẻ các cháu)

Đều HKTT: La Mát - Phù Ủng - Ân Thi - Hưng Yên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 14, 15, 81, 82, 83 và điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp. Điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 và điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về quan hệ vợ chồng: Xử không công nhận vợ chồng giữa anh Đặng Đình Nhần và chị Trần Thị Toan.

*Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Đặng Quốc Khánh - sinh ngày 24/8/2014 cho chị Toan tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị, anh Nhần có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu với mức 800.000 đồng/tháng. Thời hạn kể từ tháng 7/2019 cho đến khi cháu đến tuổi thành niên, anh Nhần được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung chị Toan không được ngăn cản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

* Tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

*Án phí: Anh Nhần phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số: 0000247 ngày 12/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Anh Nhần còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực iện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI
Thẩm phán

Trần Ngọc Lâm